

**CÔNG TY TNHH TBĐ MINH PHÚ**

233 TÂN QUÝ - F.TÂN QUÝ - Q.TÂN PHÚ  
38/22 PHAN VĂN HỒN - XTT - HỐC MÔN



Tel : 08.6278.6119-2243.3223 - Fax : 08.3559.1857

Mobile : 0908.971.780 - 0918.971.780

Website : minhphu.net - www.muabandiennuoc.com

Email : minhphu.emp@gmail.com

**BAO GIẢNG NƯỚC SẠCH CHÒU NHIỆT VÀI PHỤ KIỆN PP-R Fusheng**

Sản xuất tại Việt Nam

Kính gửi: Ông nước

**Bảng giá đại lý áp dụng từ ngày 01/06/2014 nên khi cài thông báo môi.**

STT	Ống nước lạnh PN10	Nón giá/m	Ống nước nóng PN20	Nón giá/m
1	PN10 20mm * 2.3mm	18,800	PN20 20mm*3.4mm	22,800
2	PN10 25mm*2.3mm	28,800	PN20 25mm*4.2mm	39,800
3	PN10 32mm*2.9mm	40,800	PN20 32mm*4.4mm	50,800
4	PN10 40mm*3.7mm	60,800	PN20 40mm*5.5mm	76,800
5	PN10 50mm*4.6mm	86,800	PN20 50mm*6.9mm	118,800
6	PN10 63mm*5.8mm	133,800	PN20 63mm*8.0mm	179,800
7	PN10 75mm*6.8mm	188,800	PN20 75mm*9.0mm	258,800
8	PN10 90mm*8.2mm	268,000	PN20 90mm*10.0mm	358,800
9	PN10 110mm*10.0mm	428,800	PN20 110mm*15.0mm	628,800

**II - Phụ kiện (nón giá/chiếc)**

Chung loại	Cn	Lõi	Màng sóng	Vòng nêm	Nai ống	Tết đều	Rất co nhựa	Nút bít
Kích cỡ								
20	4,800	4,200	3,800		2,000	5,200	32,000	2,500
25	6,300	6,200	4,300		2,800	8,000	41,000	4,000
32	12,000	9,800	6,200		3,000	13,000	68,000	5,700
40	15,800	18,200	9,800		3,800	20,000	83,000	8,800
50	28,000	33,000	17,600		5,300	40,000	120,000	16,000
63	68,000	68,000	36,000		6,600	90,000	160,000	28,000
75	110,000	122,000	62,000	160,000		120,000		50,000
90	186,000	148,000	106,000	225,000		190,000		70,000
110	300,000	268,000	168,000	305,000		350,000		140,000

Chung loại	Co ren trong	Co ren	Màng sóng ren trong	Màng sóng ren ngoài	Rất co ren ngoài	Rất co ren trong	Tết ren trong	Tết ren ngoài
Kích cỡ								
20*1/2	33,500	35,500	27,600	32,600	77,000	72,000	32,800	36,800
25*1/2	36,500	38,500	30,000	36,000			36,000	42,800
25*3/4	48,500	50,500	36,000	42,000	106,000	96,000	42,000	48,000
32*1	86,500	96,500	63,000	78,000	185,000	151,000	62,000	88,000
40*1.1/4			160,000	206,000	286,000	270,000	Kích cỡ	Ống tranh
50*1.1/2			208,000	288,000	446,000	417,000	20mm	15,000
63*2			360,000	440,000	720,000	660,000	25mm	22,000
75*2.1/2			750,000	838,000			32mm	

Chung loại	Còn thu	Tết thu		Chung loại	Van cửa	Van cửa tay nhựa	Van bi nhựa tay vàng	Van bi nhựa
Kích cỡ				Kích cỡ				
25/20	3,800	7,800	ISO 9001 ----- 2000 TC DIN 8087-8078	20mm	95,000	105,000	32,000	96,400
32/20	5,600	13,000		25mm	119,000	137,000	48,000	135,600
32/25	5,600	13,500		32mm	131,000	149,000	72,000	225,500
40/20	8,600	26,000		40mm	302,000	246,000	112,000	473,000
40/25	8,600	28,000		50mm	460,000	460,000		720,000
40/32	8,700	30,000		63mm	720,000			1,150,000
50/20	14,800	30,000		75mm	980,000	Máy Hàn Nhiệt		
50/25	15,200	32,000		90mm	1,120,000	Nấu hàn 20-32		520,000

50/32	15,200	36,000			110mm	1,690,000	Nầu hàn 20-63	850,000
50/40	15,400	38,000	<b>FUSHENG</b>		<b>Thi công lắp đặt hệ thống PPR,PVC, điện nước dân dụng, công nghiệp</b>			
63/32		58,000						
63/25	28,000	56,000						
Còn thu	63/32	63/40	63/50	75/50	75/63	90/63	90/75	110/90
VNĐ	28,000	29,000	29,000	50,000	51,000	82,000	86,000	150,000
Tên thu	90/63	90/75	110/75	110/90	160/110	63/50	75/50	75/63
VNĐ	190,000	200,000	300,000	360,000	800,000	62,000	130,000	135,000

*Giá trên chưa bao gồm VAT. Bao gồm chi phí vận chuyển trong phạm vi thành phố. Máy hàn ống PPR bán với giá nhai ly. Rất mong được phục vụ Quý khách !*